

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ C16XCD
TÊN HỌC PHẦN: KIẾN TRÚC XÂY DỰNG DD & CN
M? H Ọ C PHẦN : ARC - 391

H Ọ C KỲ 4
TÍN CHỈ 3
LẦN THI 1

Ngày thi: 25/06/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10		15			20	15		40	100		
1	161211002	V? KH ẮC	B?NH	C16XCD	10		5			6	5		8.5	7.1	Bá y phá p Mắ t	
2	161211003	PHAN VĂN	BÔNG	C16XCD	10		5.5			6	5		6.5	6.4	Sầ u phá p Bắ t	
3	161211005	PHAN VĂN	CHÍNH	C16XCD	7		5			6	8.5		6.5	6.5	Sầ u phá p Nằ m	
4	161211006	TÔN MẠNH	CUỜNG	C16XCD	8.5		5.5			6	5		7	6.4	Sầ u phá p Bắ t	
5	161211007	ĐINH MẠNH	CUỜNG	C16XCD	4		5			6	0		V	0.0	Khắ ng	
6	161211008	NGUYỄN DUY	CUỜNG	C16XCD	5		0			5	3		7	4.8	Bắ t phá p Tằ m	
7	161211010	PHAN PHỤNG	ĐÔNG	C16XCD	7		3			4	4		5	4.6	Bắ t phá p Sầ u	
8	161211011	NGUYỄN VĂN	ĐÔNG	C16XCD	10		4			6	5		6	6.0	Sầ u	
9	161211012	LÊ VĂN	DỪNG	C16XCD	7		4			5	5		4.5	4.9	Bắ t phá p Chề n	
10	161211015	TRẦN QUỐC	GIA	C16XCD	7		5			6	4		6	5.7	Nằ m phá p Bá y	
11	161211016	CAO SƠN	HẢI	C16XCD	6		5			6.5	5		6.5	6.0	Sầ u	
12	161211018	TRẦN CÔNG	HẬU	C16XCD	4		3			3	0		HP	0.0	Khắ ng	
13	161211019	NGUYỄN XUÂN	HIỆP	C16XCD	6.5		4			3	4		7.5	5.5	Nằ m phá p Nằ m	
14	161211020	HUỖNH ANH	HIỆP	C16XCD	6		4			6.5	4		4.5	4.9	Bắ t phá p Chề n	
15	161211021	ĐẶNG XUÂN	H?A	C16XCD	7.5		5			5	6.5		6.5	6.1	Sầ u phá p Mắ t	
16	161211023	NGUYỄN HUY	HÙNG	C16XCD	8		4			6.5	4		6	5.7	Nằ m phá p Bá y	
17	161211024	DƯƠNG Đ?NH	HUY	C16XCD	10		3			5	3		5	4.9	Bắ t phá p Chề n	
18	161211029	NGUYỄN Đ?NH	LONG	C16XCD	6		6			7	3		7.5	6.4	Sầ u phá p Bắ t	
19	161211030	TRƯƠNG HẢI	LONG	C16XCD	8		7			7	7		V	0.0	Khắ ng	
20	161211033	LÊ VĂN	NAM	C16XCD	7		4			7.5	8.5		6	6.5	Sầ u phá p Nằ m	
21	161211035	TRẦN Đ?NH	NGUYỄN	C16XCD	9		6			7	6		6	6.5	Sầ u phá p Nằ m	
22	161211036	V? NGUY ỄN HOÀNG	NGUYỄN	C16XCD	5		3			6	0		6.5	4.8	Bắ t phá p Tằ m	
23	161211037	TRẦN VĂN	NHÀN	C16XCD	10		5			6	3.5		7.5	6.5	Sầ u phá p Nằ m	
24	161211038	PHAN TÂN	PHONG	C16XCD	7		3			6	3		7.5	5.8	Nằ m phá p Tằ m	
25	161211039	NGUYỄN QuỐC	PH?NG	C16XCD	8		5			6	4		6.5	6.0	Sầ u	
26	161211040	HOÀNG ĐỨC	PHU?NG	C16XCD	9		3			6	6		8	6.7	Sầ u phá p Bá y	
27	161211041	TRƯƠNG CÔNG	RIN	C16XCD	7		5			5	4		6	5.5	Nằ m phá p Nằ m	
28	161211042	TRẦN VĂN	SANG	C16XCD	6		5.5			7	3		5	5.3	Nằ m phá p Ba	
29	161211044	HỒ HẢI	THÁI	C16XCD	0		0			0	0		HP	0.0	Khắ ng	
30	161211045	NGUYỄN	THÀNH	C16XCD	6		4			5	3.5		6	5.1	Nằ m phá p Mắ t	
31	161211046	NGUYỄN CHÁNH	THI	C16XCD	9		3			5	4		7.5	6.0	Sầ u	
32	161211047	CAO THỂ	TH?N	C16XCD	9		6			6.5	6		6.5	6.6	Sầ u phá p Sầ u	
33	161211048	LÊ NGỌC	THỊNH	C16XCD	4		4.5			6.5	0		7	5.2	Nằ m phá p Hai	
34	161211049	TRẦN QUỐC	TOẢN	C16XCD	7		3			6	3		6	5.2	Nằ m phá p Hai	
35	161211050	TRẦN QUANG	TRUNG	C16XCD	9		6			7.5	5		7	6.9	Sầ u phá p Chề n	

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10		15			20	15		40	100			
36	161211051	HỒ CHÍ TRUNG	C16XCD	7		3			6	3		2.5	0.0	Khăng		
37	161211052	TRẦN VĂN TRUÔNG	C16XCD	9		4			5.5	5		6.5	6.0	Sầu		
38	161211053	NGUYỄN NGỌC TÚ	C16XCD	8		4			6.5	3		6.5	5.8	Nằm pháy Tầm		
39	161211054	LÊ VĂN TUÂN	C16XCD	9		5			7	5		6	6.2	Sầu pháy Hai		
40	161211056	TRẦN ANH TUẤN	C16XCD	10		6.5			6.5	5.5		7	6.9	Sầu pháy Chên		
41	161211058	LÊ VĂN TÙNG	C16XCD	2		0			4	0		HP	0.0	Khăng		
1	1635	NGUYỄN CỬU	K15XCD	5		5			6	3		6	5.3	Nằm pháy Ba		
2	4539	PHẠM MINH VƯƠNG	K15XCD	5		5			5.5	2		7	5.5	Nằm pháy Năm		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	37	86%	
2	Số sinh viên nợ	6	14%	
TỔNG CỘNG :		43	100%	

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 07 năm 2012

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA

(k? và ghi r? họ tên)

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú